



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương

Ngày 30/06/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	8.1%	1.3%

DT thuần Q2/25
60.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 45.8 316%
YoY: ▼ 4.80 -7.3%

LN thuần Q2/25
6.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.38 802%
YoY: ▲ 0.67 11.5%

LN sau thuế Q2/25
5.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.28 683%
YoY: ▲ 0.53 11.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
10.7%
YoY: +/- ▲ 17.1%

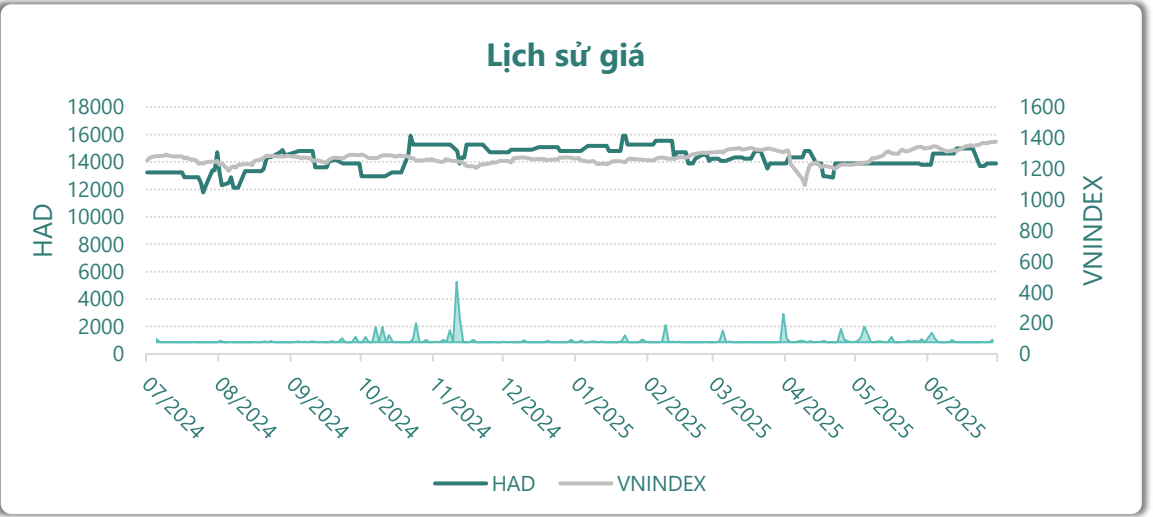
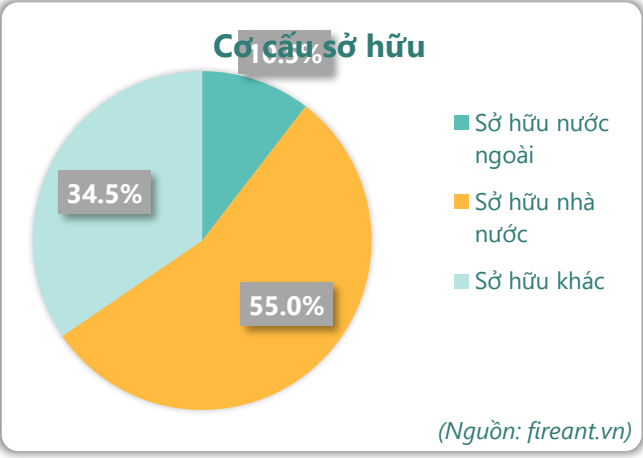
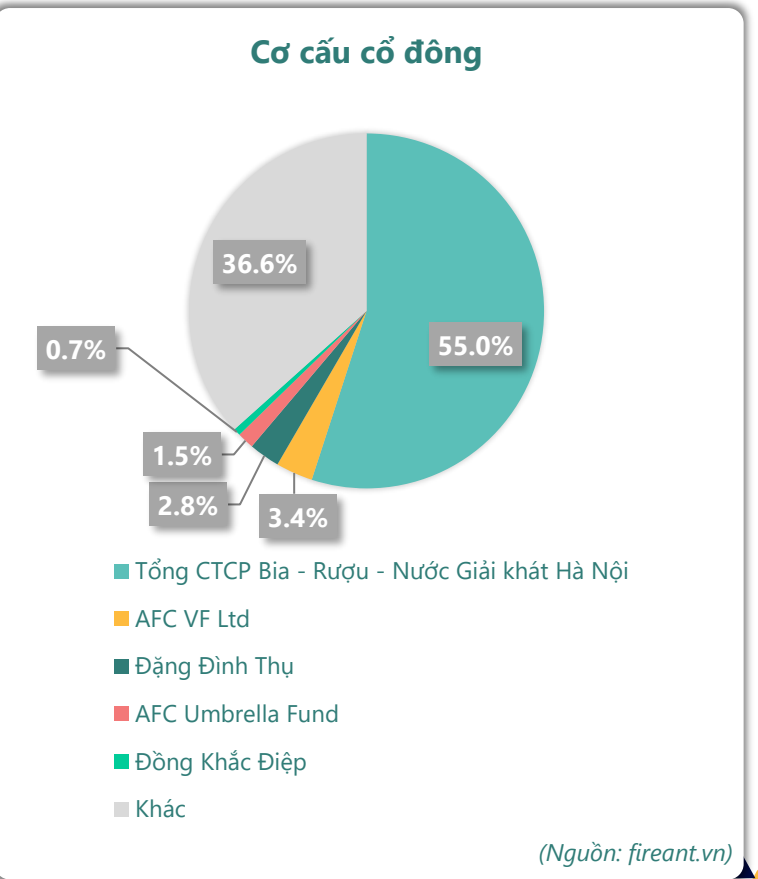
ROE (TTM) Q2/25
9.1%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,779 - 15,918
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	110
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Beta	(0.17)
EPS	1,736
P/E	8.6

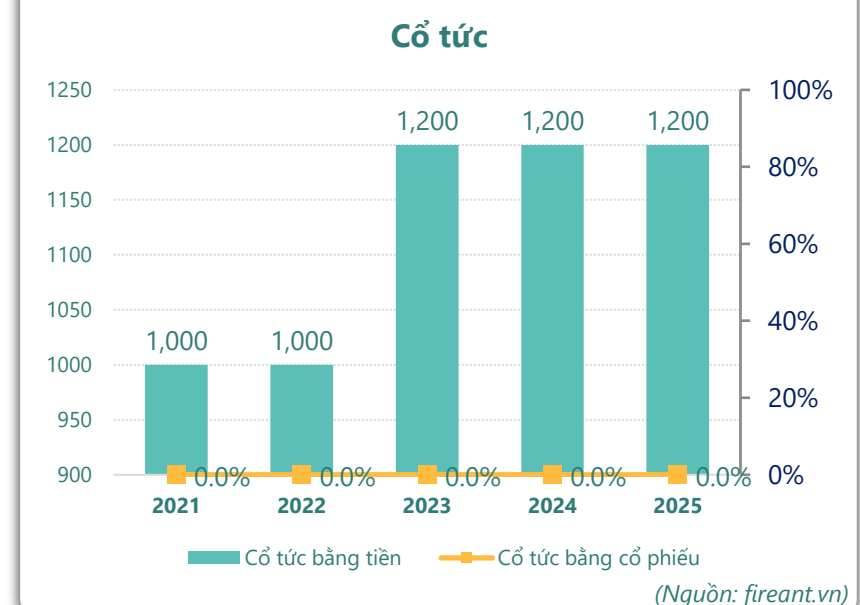
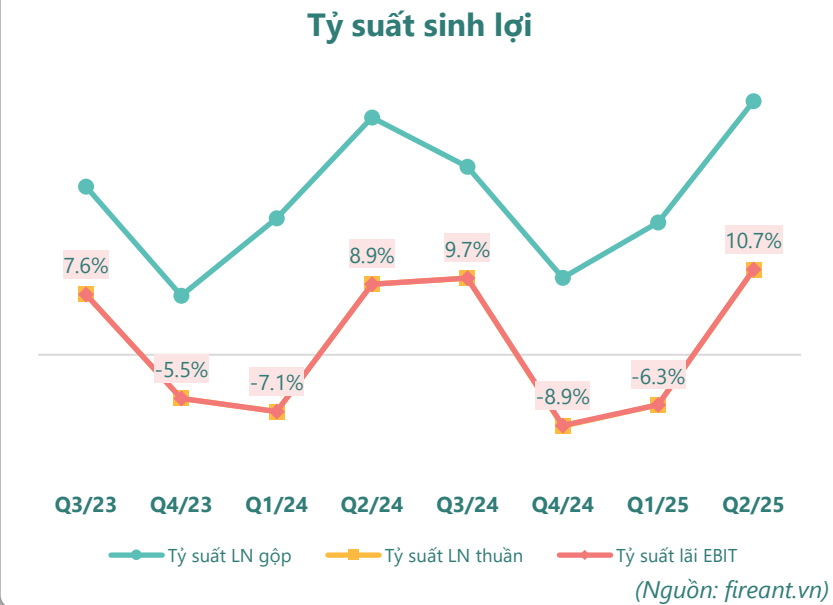
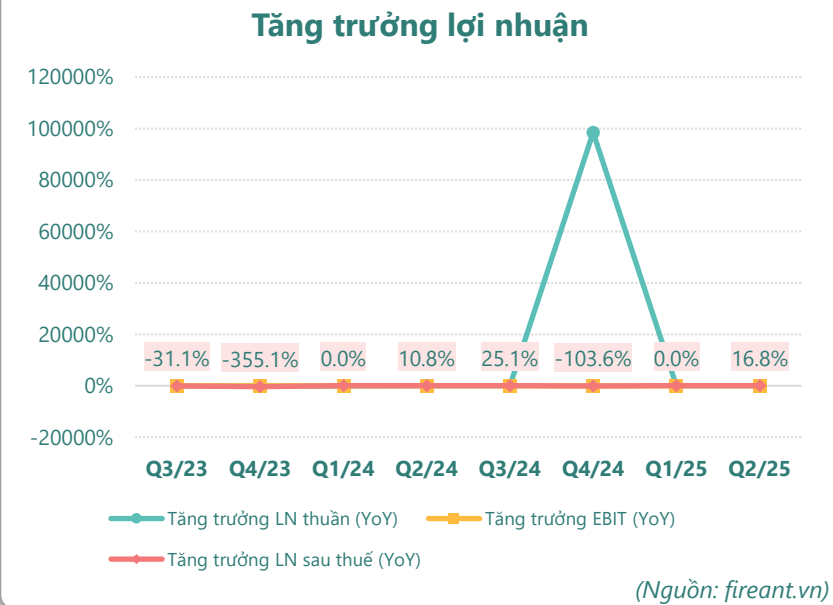
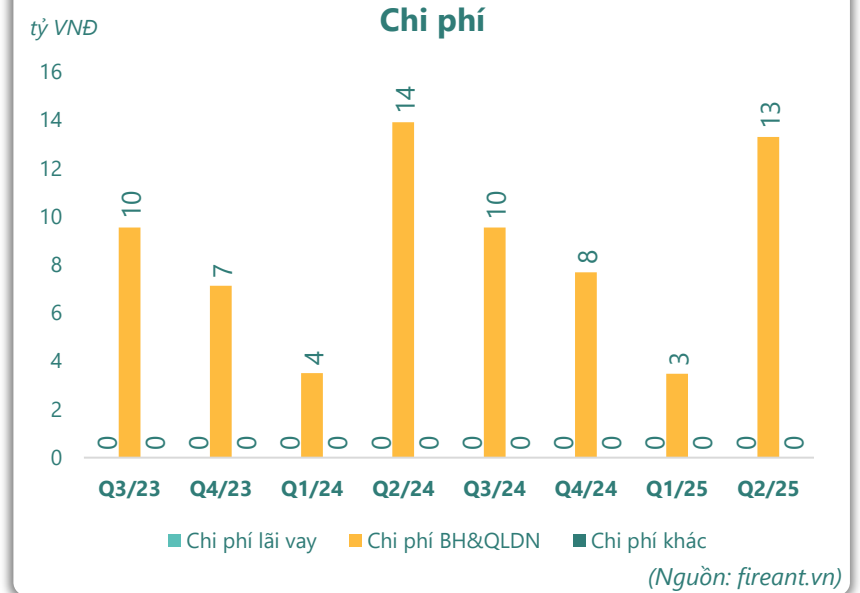
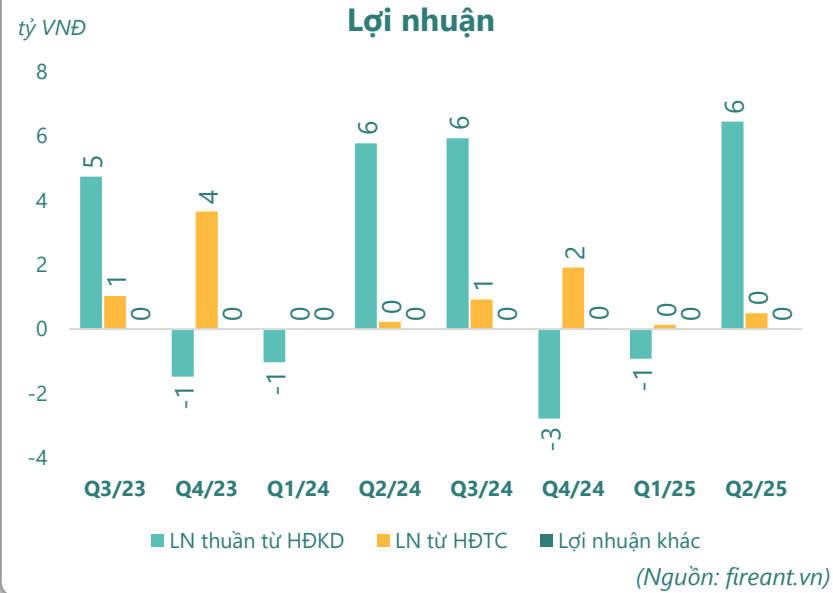
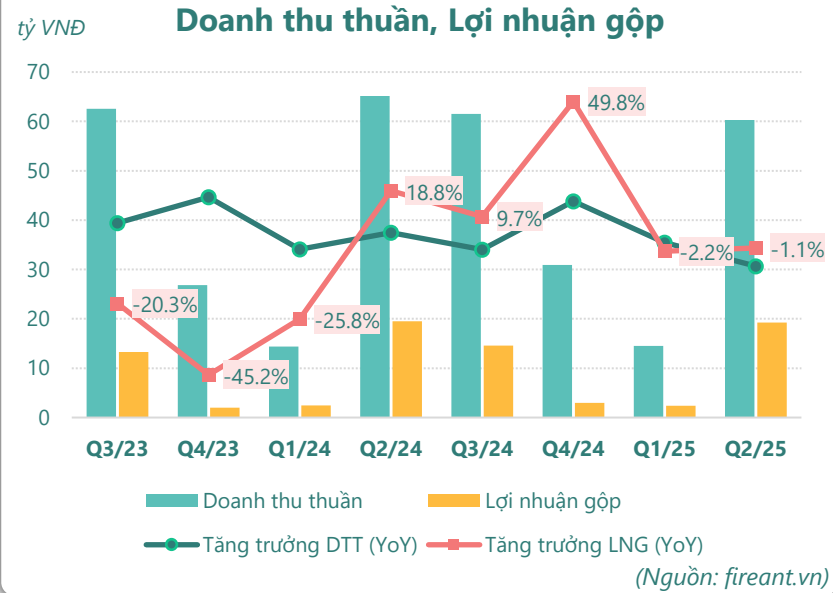
DT thuần 6T 2025
74.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.70 -5.9%

LN thuần 6T 2025
5.54
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.78 16.5%

LN sau thuế 6T 2025
4.44
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.63 16.8%



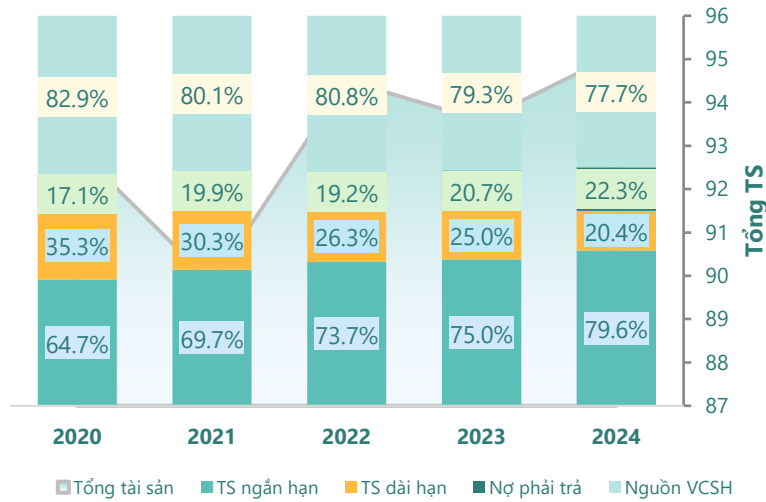
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

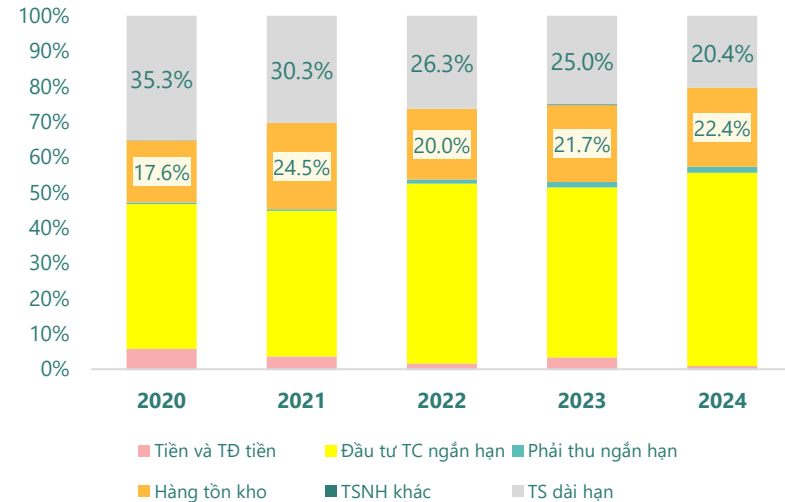
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

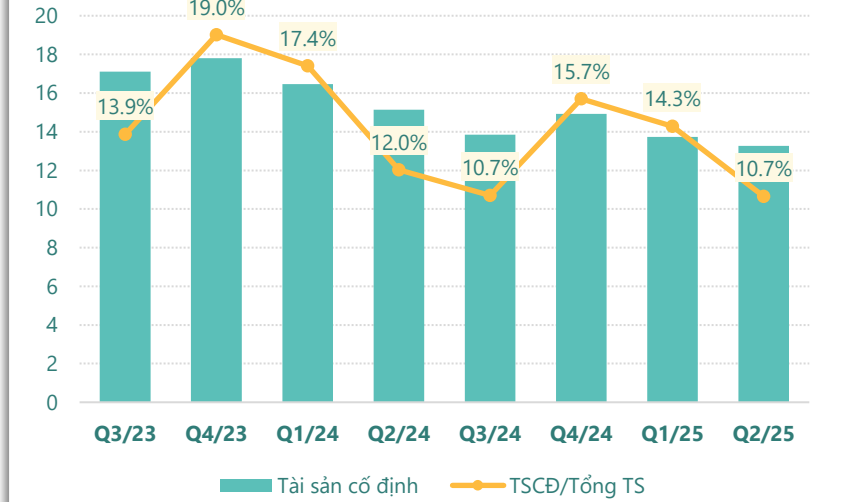
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

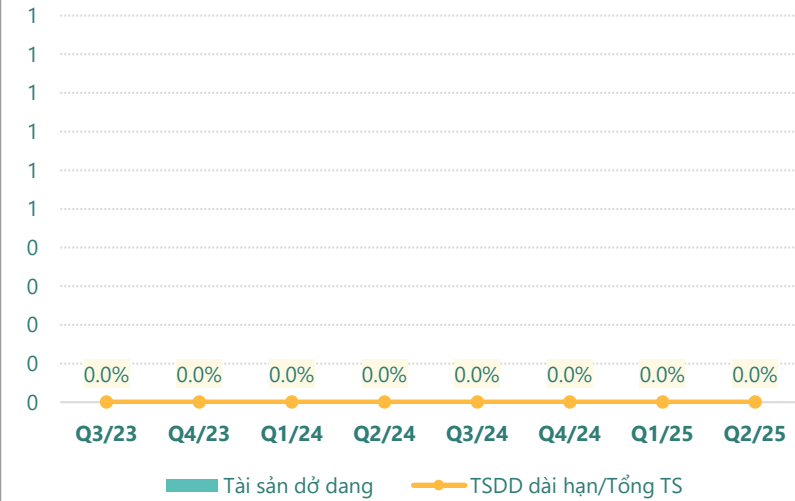
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

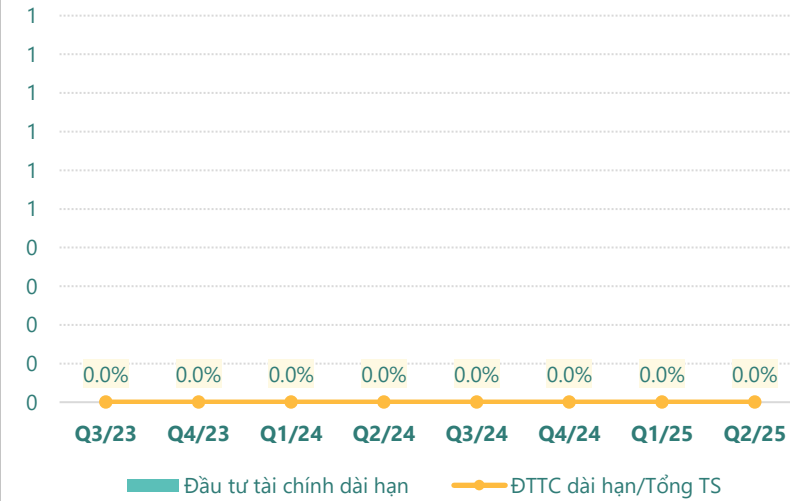
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

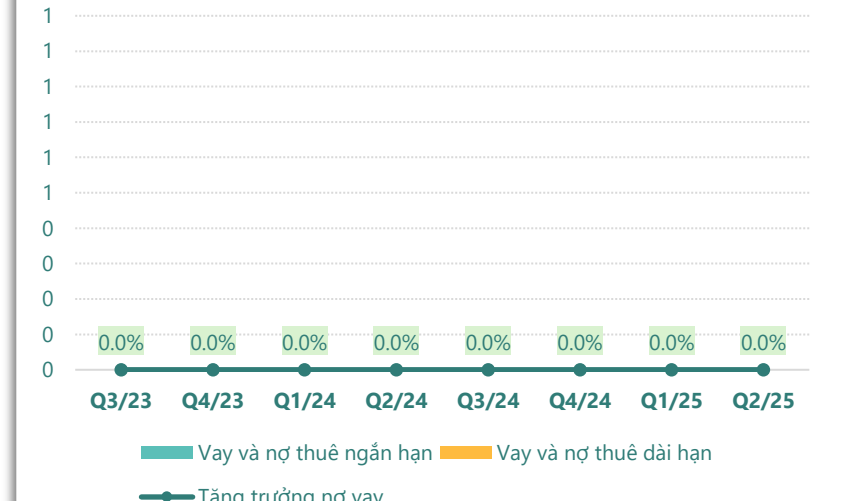
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

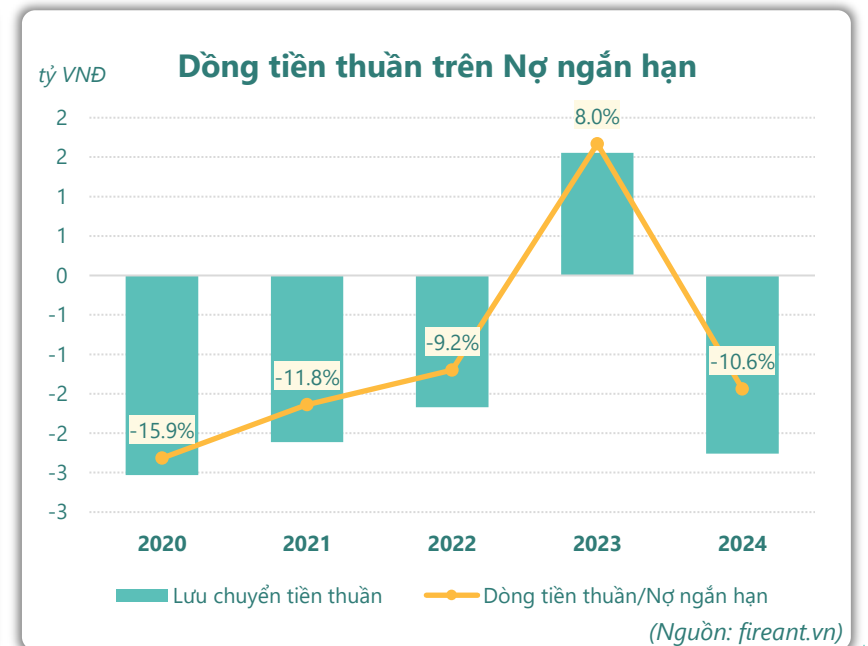
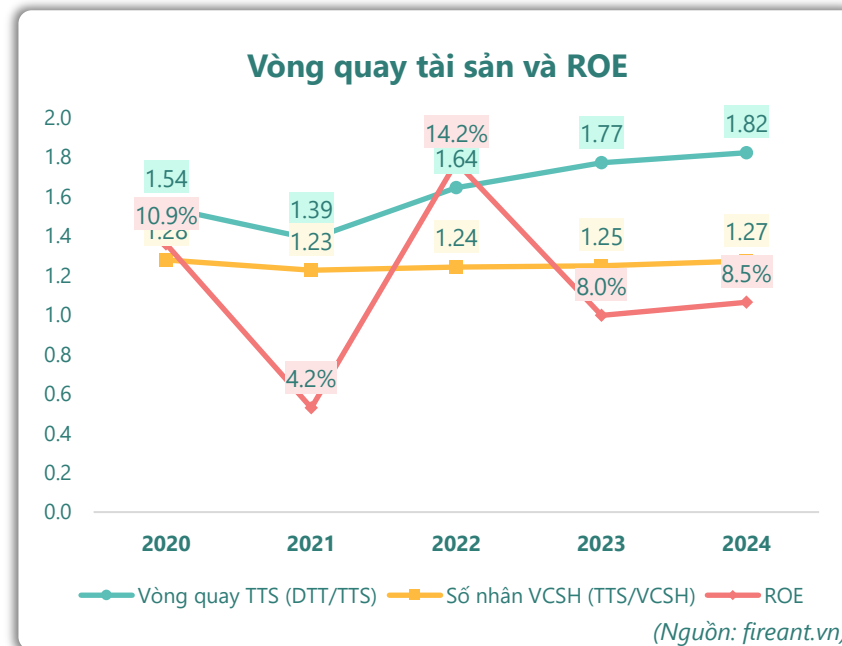
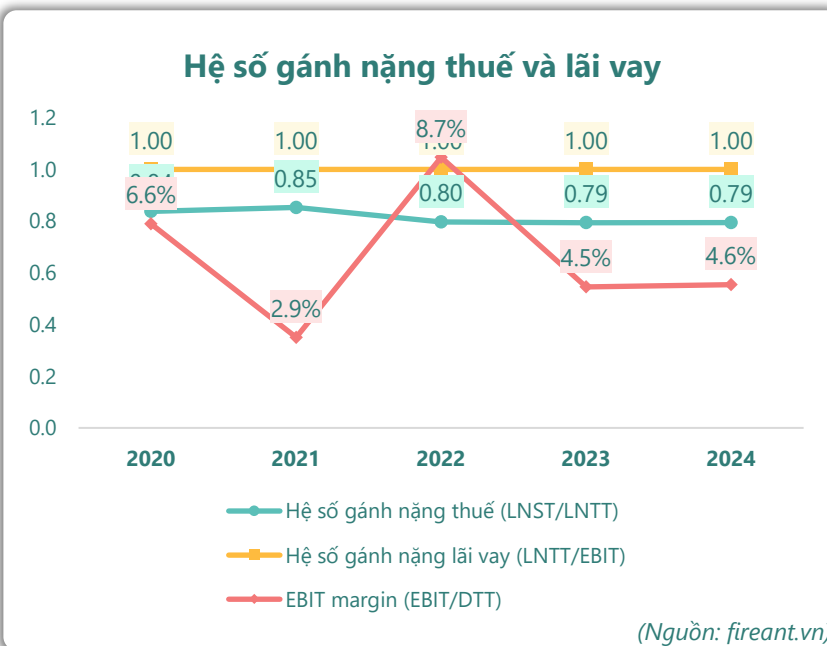
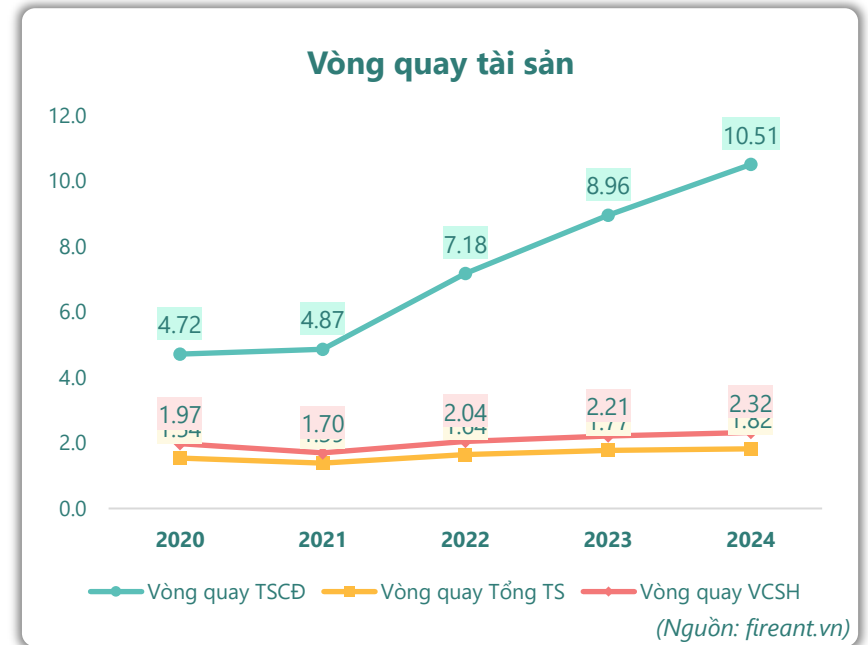
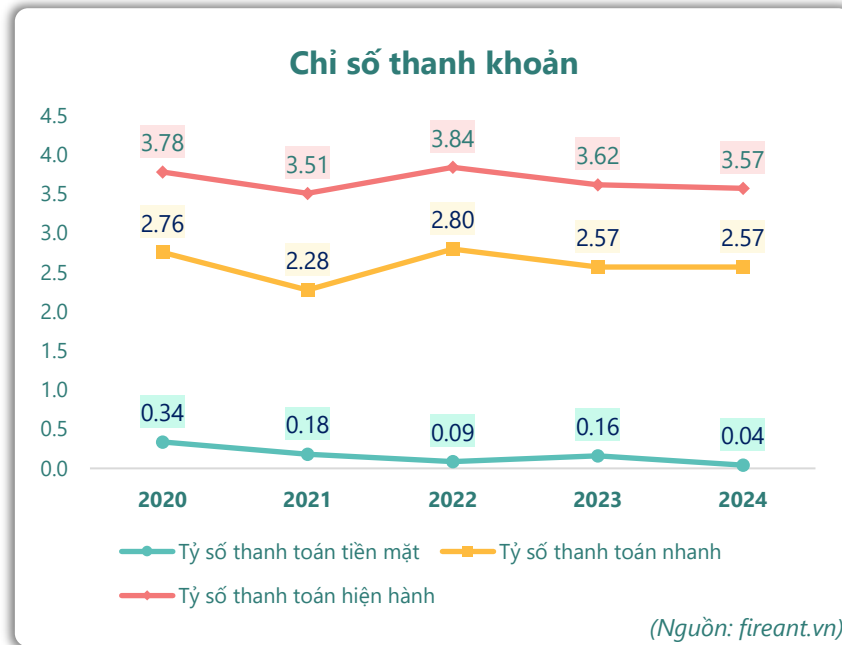
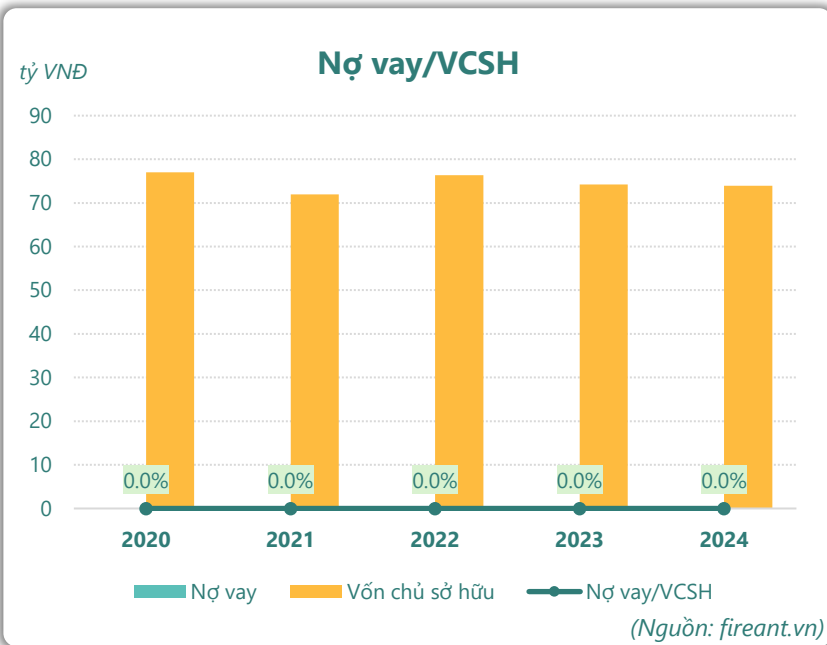
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	60.3	65.1	-7.3%	74.8	79.5	-5.9%
Giá vốn hàng bán	41.0	45.7	-10.2%	53.1	57.6	-7.7%
Lợi nhuận gộp	19.3	19.5	-1.2%	21.7	22.0	-1.2%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.22	123%	0.63	0.23	179%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	8.47	9.11	-7.0%	10.3	11.0	-5.7%
Chi phí QLDN	4.84	4.81	0.6%	6.44	6.45	-0.3%
LN thuần từ HĐKD	6.46	5.79	11.5%	5.54	4.76	16.5%
Lợi nhuận khác	0.01	0.00		0.01	0	
LN trước thuế	6.47	5.79	11.8%	5.56	4.76	16.8%
Lợi nhuận sau thuế	5.36	4.83	11.0%	4.44	3.81	16.8%
LNST của CĐ cty mẹ	5.36	4.83	11.0%	4.44	3.81	16.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.76	26.6	12.9	-30.0	-4.40	24.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.00	-29.2	-4.67	19.6	11.1	-23.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-4.71	-0.08	0	0
Tiền đầu kỳ	3.13	10.4	7.77	11.3	0.87	7.61
Lưu chuyển tiền thuần	7.24	-2.60	3.54	-10.4	6.73	1.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.4	7.77	11.3	0.87	7.61	8.97

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	125	95.1	31.0%
Tài sản ngắn hạn	105	75.7	38.6%
Tiền và tương đương tiền	8.97	0.87	926%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.0	52.0	25.0%
Phải thu ngắn hạn	2.12	1.59	32.8%
Hàng tồn kho	28.9	21.3	35.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	19.6	19.4	1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.3	14.9	-11.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.36	4.44	43.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.9	21.2	126%
Nợ ngắn hạn	47.9	21.2	126%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.47	1.54	60.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	76.7	73.9	3.7%
Vốn chủ sở hữu	76.7	73.9	3.7%
Vốn điều lệ	40.0	40.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

